

BÀN VỀ MỨC

PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ĐỊA BÀN TP.HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI GIAN TỚI

Thạc sĩ NGÔ THỊ NGỌC HUYỀN



Trong điều kiện của nền kinh tế mở, có thể nói hoạt động ngoại thương là hạt nhân của bài toán tăng trưởng kinh tế. Một khi hoạt động xuất nhập khẩu đạt được nhịp độ tăng trưởng nhanh chóng nhất định sẽ kéo theo nhịp độ tăng chung của nền kinh tế cũng nhanh tương ứng, như minh họa sau đây:

Bảng 1: Nhịp độ tăng xuất nhập khẩu và GDP của một số nước và vùng lãnh thổ có nền kinh tế đang tăng trưởng tốt.
(đơn vị: %/năm)

NƯỚC, VÙNG	NHỊP ĐỘ TĂNG XUẤT KHẨU		NHỊP ĐỘ TĂNG NHẬP KHẨU		NHỊP ĐỘ TĂNG GDP	
	80 - 90	90 - 94	80 - 90	90 - 94	80 - 90	90 - 94
LÃNH THỔ						
1. Trung Quốc	11.4	14.3	10.0	24.8	10.2	12.9
2. Indonesia	5.3	21.3	1.2	9.1	6.1	7.6
3. Thailand	14.3	21.6	12.1	12.7	7.6	8.2
4. Malaysia	11.5	17.8	6.0	15.7	5.2	8.4
5. Chile	5.7	10.5	1.4	14.5	4.1	7.5
6. Hàn Quốc	13.7	7.4	11.2	7.7	9.4	6.6
7. Đài Loan	11.6	5.9	12.8	14.2	8.4	6.1
8. Hong Kong	15.4	15.3	11.0	15.8	6.9	5.7
9. Singapore	12.1	16.1	8.6	12.1	6.4	8.3

NGUỒN : From Plan to Market. World Bank, World Development Report 1996.

Theo thứ tự sắp xếp trong bảng 1, nền kinh tế của các nước Trung Quốc, Indonesia, Thailand, Malaysia, Chile đang ở trong giai đoạn cất cánh mạnh mẽ, còn Hàn Quốc, Đài Loan, Hong Kong, Singapore đã trở thành những nước công nghiệp mới (NICs) và vẫn duy trì được nhịp độ phát triển khá nhanh. Trong mối tương quan giữa nhịp độ phát triển xuất nhập khẩu với nhịp độ tăng trưởng GDP của các nền kinh tế nêu trên có những xu thế biến động mang tính qui luật như sau:

Tổng quát, nhịp độ tăng xuất khẩu thường cao hơn nhịp độ tăng nhập khẩu (thể hiện bản chất hướng ngoại của nền kinh tế) và cả hai mức tăng xuất khẩu cũng như mức tăng nhập khẩu đều cao hơn mức tăng GDP. Nhưng lưu ý, nhịp độ tăng trưởng kinh tế nói chung còn thấp trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa sẽ cao dần lên khi nền kinh tế đi vào trạng thái phát triển ổn định, sau khi hoàn tất quá trình công nghiệp hóa và đạt được mức phát triển cao rồi thì nhịp độ tăng trưởng sẽ giảm dần (vì khi đó qui mô so sánh của nền kinh tế rất lớn). Do đó, sự cách biệt cao hơn của nhịp độ tăng xuất nhập khẩu so với nhịp độ tăng GDP sẽ càng mở rộng khi nền kinh tế càng phát triển, đến sau khi hoàn tất quá trình công nghiệp hóa thì sự cách biệt này sẽ thu hẹp dần lại.

Mặt khác, sự cách biệt cao hơn của nhịp độ tăng xuất nhập khẩu so với nhịp độ tăng GDP nhiều hay ít còn tùy thuộc vào qui mô nền kinh tế và tiềm năng thị trường nội địa lớn hay nhỏ:

Trường hợp 1: những nước có qui mô và tiềm năng thị trường nội địa to lớn (Trung Quốc, Indonesia) hoặc qui mô vừa nhưng mãi lực đã được nâng cao (Hàn Quốc, Đài Loan) thì nhịp độ tăng xuất nhập khẩu chỉ cao hơn nhịp độ tăng GDP với mức độ vừa phải.

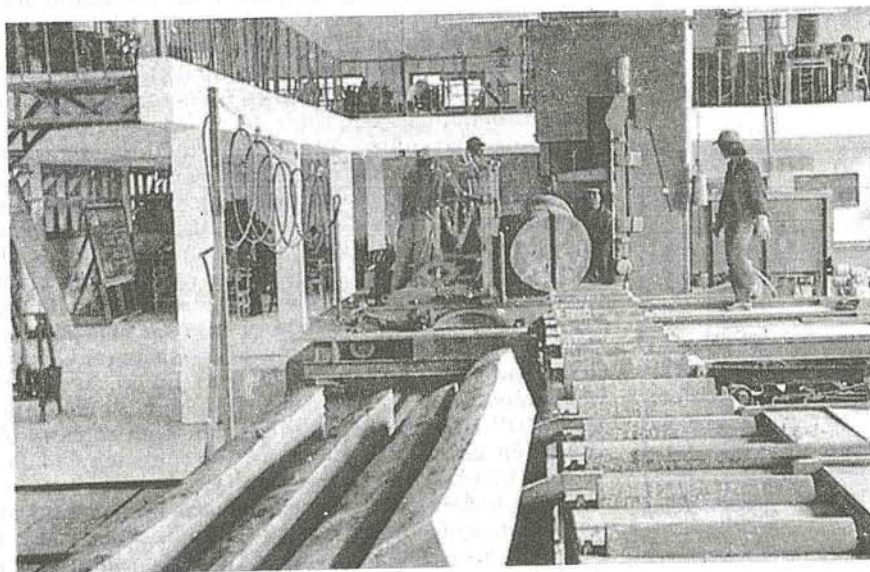
Trường hợp 2: những nước có thị trường nội địa nhỏ bé (Hong Kong, Singapore) hoặc có qui mô khá nhưng mãi lực còn thấp (Thailand, Malaysia, Chile) thì nhịp độ tăng xuất nhập khẩu thường cao hơn nhịp độ tăng GDP trên dưới 2 lần, chứng tỏ hoạt động thương mại quốc tế có ảnh hưởng rất mạnh đến tình hình phát triển chung của nền kinh tế.

Việt Nam cũng thuộc về trường hợp 2 (có qui mô thị trường nội địa khá lớn với hơn 76 triệu dân, nhưng mãi lực còn thấp). Các chỉ số tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 1991 - 1997 đạt được khá tốt như: nhịp độ tăng xuất khẩu 27,2%/năm và nhịp độ tăng nhập khẩu 29,8%/năm, cao gấp 3 và 3,3 lần so với nhịp độ tăng GDP cùng kỳ là 8,9%/năm (Tổng Cục Thống kê, 1998). Tuy rằng xuất phát điểm thấp, qui mô ban đầu còn nhỏ, nhưng tình hình phát triển của nền kinh tế đã được cải thiện rất đáng kể.

Riêng đối với TP.Hồ Chí Minh, xét trong giai đoạn 1994 - 1997 các chỉ tiêu về nhịp độ tăng bình quân hàng năm của kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu và GDP trên địa bàn lần lượt là: 33%, 21,9% và 14% (Cục Thống kê TP.Hồ Chí Minh, 1998), tính ra mức tăng xuất khẩu cao hơn mức tăng GDP 2,4 lần và mức tăng nhập khẩu cao hơn mức tăng GDP 1,7 lần.

So sánh giữa TP.Hồ Chí Minh với cả nước ta thấy rằng nhịp độ tăng trưởng xuất nhập khẩu gần tương đương nhau, nhưng nhịp độ tăng GDP của thành phố cao hơn nhiều (14% so với 8,9%), nên sự cách biệt giữa nhịp độ tăng xuất nhập khẩu với nhịp độ tăng GDP của thành phố (chỉ có trên dưới 2 lần) thấp hơn so với cả nước (trên dưới 3 lần).

Theo qui luật phát triển không đều về kinh tế giữa các vùng lãnh thổ, cần tiếp tục đẩy mạnh mức phát triển kinh tế nói chung và xuất nhập khẩu nói riêng của địa bàn TP.Hồ Chí Minh làm đầu tàu kéo theo sự tăng trưởng nhanh của toàn bộ nền kinh tế quốc gia. Cần chú vào tình hình thực tiễn của TP.Hồ Chí Minh như trên, chúng tôi đề xuất mục tiêu định hướng cơ bản về nhịp độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của địa bàn thành phố trong thời gian tới như sau:



Giữ cho mức tăng xuất nhập khẩu cao hơn khoảng 2 lần so với mức tăng GDP trong giai đoạn trước mắt (đến năm 2000). Theo báo cáo tổng hợp "Qui hoạch Tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội TP.Hồ Chí Minh đến năm 2010" dự báo GDP của địa bàn thành phố sẽ tăng bình quân 15%/năm trong suốt giai đoạn 1996 - 2000, thì nhịp độ tăng xuất nhập khẩu cùng kỳ sẽ vào khoảng 30%/năm.

Trong giai đoạn 2001 - 2010, cũng theo "Qui hoạch Tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội TP.Hồ Chí Minh đến năm 2010" dự báo mức tăng bình quân GDP của địa bàn thành phố là 14%/năm, cần đảm bảo:

Mức tăng xuất khẩu cao hơn mức tăng GDP từ 1,5 - 1,7 lần, tương ứng nhịp độ tăng bình quân trong khoảng 21 - 24%/năm.

Mức tăng nhập khẩu cao hơn mức tăng GDP từ 1,3 - 1,5 lần, tương ứng nhịp độ tăng bình quân trong khoảng 18 - 21%/năm, thấp hơn nhịp độ tăng xuất khẩu vì khả năng trong giai đoạn này sẽ xuất siêu liên tục.

Trên cơ sở đó, mức phát triển xuất nhập khẩu của địa bàn TP.Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2010 được dự báo như sau:

Bảng 2: Dự báo tình hình phát triển xuất nhập khẩu của địa bàn TP.Hồ Chí Minh đến năm 2010 (đơn vị: triệu USD)

CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU ĐỊNH LƯỢNG				N.ĐỘ TĂNG BQ (%/NĂM)	
	1997	2000	2005	2010	1998-2000	2001-2010
1. Kim ngạch xuất khẩu	4.231,0	9.295,5	28.367,6	70.587,7	30,0	22,5
2. Kim ngạch nhập khẩu	3.951,0	8.680,3	21.599,4	45.366,1	30,0	18,0
3. Cán đối (xuất siêu)	280,0	615,2	6.768,2	25.221,6	30,0	45,0
Tỷ lệ xuất siêu (%)	6,6	6,6	23,9	35,7		

NGUỒN: Dự báo của tác giả, 1998.

Để bảo đảm đạt được các mục tiêu trên, phải giải quyết hàng loạt vấn đề từ khâu phát triển sản xuất tạo nguồn hàng xuất khẩu cho đến việc cải tiến quản lý tạo môi trường hoạt động thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu. Trong đó, cần lưu ý rằng TP.Hồ Chí Minh là một trung tâm công nghiệp lớn nhất nước, nên yêu cầu phải đẩy mạnh xuất khẩu hàng công nghiệp một cách tương xứng. Theo qui hoạch của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh, dự kiến nhịp độ tăng bình quân của ngành công nghiệp thành phố trong suốt thời kỳ 1996 - 2010 từ 15 - 17%/năm và sẽ có khoảng 40 - 50% sản lượng dành cho xuất khẩu. Do đó, có thể đặt ra mục tiêu đưa tỷ trọng hàng công nghiệp chiếm đến 95% trong cơ cấu hàng xuất khẩu của thành phố vào năm 2010. Mặc khác, yêu cầu công nghiệp sản xuất các loại vật tư nguyên liệu, chế tạo bán thành phẩm (linh kiện, phụ tùng...) cũng phải phát triển nhanh để thay thế hàng nhập, giảm mức nhập khẩu và tăng mạnh tỷ lệ xuất siêu trong cán cân thanh toán ngoại hối của TP.Hồ Chí Minh, đóng góp tích cực vào việc cân đối thu chi ngoại tệ trên giác độ cả nước ■